

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---

CÔNG KHAI DỰ TOÁN  
THU - CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

CỦA: UBND XÃ NAM CHÍNH

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NAM CHÍNH

Số: ..&A../QD-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Chính, ngày &A.. tháng 07 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách xã quý II năm 2022

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM CHÍNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 15/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của Hội đồng nhân dân xã Nam Chính về dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2022;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu Thu - Chi ngân sách xã quý II năm 2022 của UBND xã Nam Chính.

(bao gồm các biểu kèm theo Quyết định này).

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ Quyết định có hiệu lực.
- Địa điểm công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã Nam Chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công chức văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Kế toán - Tài chính xã căn cứ Quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VP UBND xã.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Xuyên

Nam Chính, ngày 7 tháng 07 năm 2022

**BIÊN BẢN**

Về việc niêm yết công khai ngân sách xã quý II năm 2022 của UBND xã Nam Chính

I/ Thời gian: Vào hồi 8h ngày 7 tháng 07 năm 2022.

II/ Địa điểm: tại trụ sở UBND xã Nam Chính.

III/ Thành phần:

- |                         |                                        |
|-------------------------|----------------------------------------|
| 1. Ông: Trần Văn Xuyên  | Chức vụ: Chủ tịch UBND xã              |
| 2. Ông: Vương Thừa Vũ   | Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã          |
| 3. Ông : Đinh Văn Hồng  | Chức vụ: Công chức Tư pháp – Hộ tịch   |
| 4. Ông : Lê Quang Cường | Chức vụ: Công chức VP – Thống kê       |
| 5. Bà : Nguyễn Thị Huệ  | Chức vụ :Hợp đồng kế toán ngân sách xã |

IV/ Nội dung làm việc:

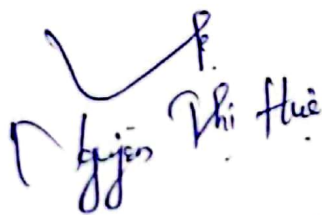
- Đã tiến hành kiểm tra, xác định các biểu mẫu công khai thu – chi ngân sách xã quý II của UBND xã Nam Chính năm 2022.

- Thời gian niêm yết công khai: 30 ngày kể từ ngày 7... tháng 7... năm 2022 đến hết ngày 6 tháng 8 năm 2022.

- Địa điểm công khai: Tại phòng tiếp dân UBND xã Nam Chính.

Biên bản lập xong hồi 8h... cùng ngày, được lập thành 03 bản như nhau, gửi phòng Tài chính – Kế hoạch 01 bản; công khai tại phòng tiếp dân 01 bản; lưu kế toán 01 bản.

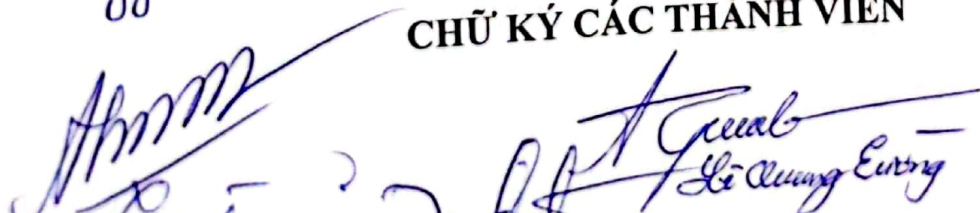
NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

  
Nguyễn Thị Huệ

TM. UBND XÃ NAM CHÍNH

  
Trần Văn Xuyên

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN

  
Lê Quang Cường

ĐƯỢC QUÉT BẢNG CAMS



Nam Chính, ngày tháng 08 năm 2022

**BIÊN BẢN**

Về việc kết thúc niêm yết công khai ngân sách xã quý II năm 2022 của UBND xã Nam Chính

Căn cứ Biên bản niêm yết công khai ngân sách xã quý II năm 2022.

I/ Thời gian: Vào hồi ngày tháng 08 năm 2022.

II/ Địa điểm: tại trụ sở UBND xã Nam Chính.

III/ Thành phần:

- |                         |                                        |
|-------------------------|----------------------------------------|
| 1. Ông: Trần Văn Xuyên  | Chức vụ: Chủ tịch UBND xã              |
| 2. Ông: Vương Thừa Vũ   | Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã          |
| 3. Ông : Đinh Văn Hồng  | Chức vụ: Công chức Tư pháp – Hộ tịch   |
| 4. Ông : Lê Quang Cường | Chức vụ: Công chức VP – Thống kê       |
| 5. Bà : Nguyễn Thị Huệ  | Chức vụ :Hợp đồng kế toán ngân sách xã |

IV/ Nội dung làm việc:

Sau 30 ngày liên tục tiến hành niêm yết công ngân sách xã quý II năm 2022 tại phòng tiếp dân của UBND xã Nam Chính. UBND xã Nam Chính tiến hành lập biên bản kết thúc việc niêm yết công khai ngân sách xã quý II năm 2022.

Không có ý kiến nào trong thời gian niêm yết công khai tại phòng tiếp dân của trụ sở UBND xã Nam Chính.

Biên bản lập xong lúc ..... cùng ngày, đại diện các bên có liên quan thống nhất thông qua và kí tên.

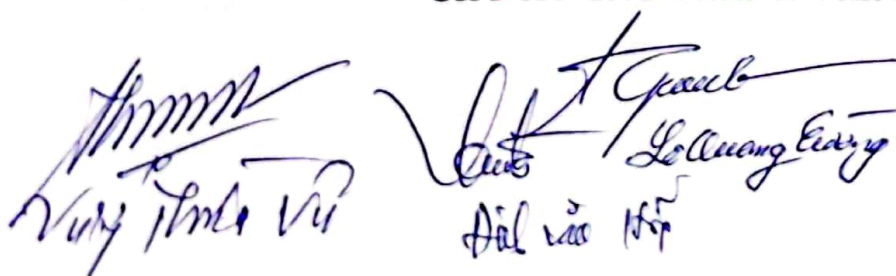
NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

  
Nguyễn Thị Huệ.

TM. UBND XÃ NAM CHÍNH

  
Trần Văn Xuyên

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN

  
Vương Thừa Vũ  
Đinh Văn Hồng

ĐƯỢC QUÉT ĐĂNG CẢNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NAM CHÍNH**

Biểu số 113/CK TC-NSNN

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 81/QĐ-UBND ngày 30 tháng 07 năm 2022 của UBND xã Nam Chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| STT       | Nội dung                           | Dự toán năm          | Thực hiện quý II     | So sánh (%)  |
|-----------|------------------------------------|----------------------|----------------------|--------------|
| A         | B                                  | 1                    | 2                    | 3=2/1        |
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu</b>                 | <b>5.163.106</b>     | <b>4.219.732,218</b> | <b>81,73</b> |
| 1         | Các khoản thu xã hưởng 100%        | 112.000              | 15.828               | 14,13        |
| 2         | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | 388.000              | 1.389.664,745        | 358,16       |
| 3         | Thu bổ sung                        | 4.313.347            | 2.464.480            | 57,14        |
|           | - Bổ sung cân đối                  | 2.487.900            | 1.649.780            | 66,31        |
|           | - Bổ sung cân đối có gắn mã CTMT   |                      |                      |              |
|           | - Bổ sung có mục tiêu              | 1.825.447            | 814.700              | 44,63        |
| 4         | Thu chuyển nguồn                   | 349.759              | 349.759,473          |              |
| 5         | Thu kết dư ngân sách năm trước     | -                    | -                    |              |
| <b>II</b> | <b>Tổng số chi</b>                 | <b>5.163.106,473</b> | <b>1.792.216,100</b> | <b>34,71</b> |
| 1         | Chi đầu tư phát triển              | 180.000,000          | -                    | -            |
| 2         | Chi thường xuyên                   | 4.520.147,000        | 1.792.216,100        | 39,65        |
| 3         | Chi dự phòng                       | 462.959,473          | -                    | -            |

Nam Chính, ngày 30 tháng 07 năm 2022

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



**Nguyễn Thị Huệ**

**CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Xuyên**



**XÃ NAM CHÍNH**

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ-UBND ngày .... tháng 07 năm 2022 của UBND xã Nam Chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

| NỘI DUNG                                                         | DỰ TOÁN NĂM (bao gồm cả bổ sung, điều chỉnh) |             |         | THỰC HIỆN QUÝ I |         |               | SO SÁNH (%)    |                |
|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------|---------|-----------------|---------|---------------|----------------|----------------|
|                                                                  | THU NSNN                                     | THU NSX     | THU NSX | THU NSNN        | THU NSX | THU NSX       | THU NSNN       | THU NSX        |
| <b>B</b>                                                         | <b>1</b>                                     | <b>2</b>    |         | <b>3</b>        |         | <b>4</b>      | <b>5 = 3/1</b> | <b>6 = 4/2</b> |
| <b>TỔNG THU</b>                                                  |                                              |             |         |                 |         |               |                |                |
| Các khoản thu 100%                                               | 5.634.347,0                                  | 5.163.106,4 |         | 4.219.732,218   |         | 4.219.732,218 | 74,89          | 81,73          |
| Phí, lệ phí                                                      | 112.000,0                                    | 112.000,0   |         | 15.828,000      |         | 15.828,000    | 14,13          | 14,13          |
| Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác                 | 7.000,0                                      | 7.000,0     |         | 3.804,0         |         | 3.804,0       | 54,34          | 54,34          |
| Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp                            | 80.000,0                                     | 80.000,0    |         | -               |         | -             | -              | -              |
| Thu phạt, tịch thu khác theo quy định                            |                                              |             |         |                 |         |               |                |                |
| Đóng góp của nhân dân theo quy định                              |                                              |             |         | 12.024,0        |         | 12.024,0      |                |                |
| Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để XD các công trình |                                              |             |         |                 |         |               |                |                |
| Thu khác                                                         | 25.000,0                                     | 25.000,0    |         |                 |         |               | -              | -              |
| Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)                 | 1.209.000,0                                  | 388.000,0   |         | 1.389.664,745   |         | 1.389.664,745 | 114,94         | 358,16         |
| Các khoản thu phân chia                                          | 104.000,0                                    | 104.000,0   |         | 55.647,565      |         | 55.647,565    | 53,51          | 53,51          |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                                 | 35.000,0                                     | 35.000,0    |         |                 |         |               | -              | -              |
| Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình                  |                                              |             |         |                 |         |               |                |                |
| Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh                     | 9.000,0                                      | 9.000,0     |         | 7.800,0         |         | 7.800,0       | 86,67          | 86,67          |
| Lệ phí trước bạ nhà, đất                                         | 60.000,0                                     | 60.000,0    |         | 47.847,565      |         | 47.847,565    | 79,75          | 79,75          |
| Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định                | 1.105.000,0                                  | 284.000,0   |         | 1.334.017,180   |         | 1.334.017,180 | 120,73         | 469,72         |
| Thu tiền sử dụng đất                                             | 1.000.000,0                                  | 200.000,0   |         | 1.330.179,000   |         | 1.330.179,000 | 133,02         | 665,09         |
| Thuế giá trị gia tăng                                            | 70.000,0                                     | 56.000,0    |         | 2.470,180       |         | 2.470,180     | 3,53           | 4,41           |
| Thuế thu nhập cá nhân                                            | 35.000,0                                     | 28.000,0    |         | 1.368,000       |         | 1.368,000     | 3,91           | 4,89           |

| STT | NỘI DUNG                                              | DỰ TOÁN NĂM (bao gồm cả bổ sung, điều chỉnh) |             |             |             | THỰC HIỆN QUÝ I |         | SO SÁNH (%) |         |
|-----|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-----------------|---------|-------------|---------|
|     |                                                       | THU NSNN                                     | THU NSX     | THU NSNN    | THU NSX     | THU NSNN        | THU NSX | THU NSNN    | THU NSX |
| A   | B                                                     | 1                                            | 2           | 3           | 4           |                 |         | 5 = 3/1     | 6 = 4/2 |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) |                                              |             |             |             |                 |         |             |         |
| IV  | Thu chuyển nguồn                                      |                                              |             |             |             |                 |         |             |         |
| V   | Thu kết dư ngân sách năm trước                        |                                              | 349.759,400 | 349.759,473 | 349.759,473 |                 |         |             |         |
| VI  | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên                     | 4.313.347,0                                  | 4.313.347,0 | 2.464.480,0 | 2.464.480,0 |                 |         | 57,14       | 57,14   |
|     | Thu bổ sung cân đối ngân sách                         | 2.487.900,0                                  | 2.487.900,0 | 1.649.780,0 | 1.649.780,0 |                 |         | 66,31       | 66,31   |
|     | Thu bổ sung có mục tiêu                               | 1.825.447,0                                  | 1.825.447,0 | 814.700,0   | 814.700,0   |                 |         | 44,63       | 44,63   |

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huệ

Nam Chính, ngày 07 tháng 07 năm 2022

CHỦ TỊCH



Trần Văn Xuyên



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: ...../QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2022 của UBND xã Nam Chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

| NỘI DUNG                                                  | DỰ TOÁN              |                    |                      | THỰC HIỆN QUÝ I      |          |                      | SO SÁNH (%)  |              |              |
|-----------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|----------|----------------------|--------------|--------------|--------------|
|                                                           | TỔNG SỐ              | ĐTPT               | THƯỜNG XUYỀN         | TỔNG SỐ              | ĐTPT     | THƯỜNG XUYỀN         | TỔNG SỐ      | ĐTPT         | TX           |
| <b>B</b>                                                  | <b>1</b>             | <b>2</b>           | <b>3</b>             | <b>4</b>             | <b>5</b> | <b>6</b>             | <b>7=4/1</b> | <b>8=5/2</b> | <b>9=6/3</b> |
| <b>TỔNG CHI</b>                                           | <b>5.163.106,473</b> | <b>200.000,000</b> | <b>4.963.106,473</b> | <b>1.792.216,100</b> | <b>-</b> | <b>1.792.216,100</b> | <b>34,71</b> | <b>-</b>     | <b>36,11</b> |
| rong đó:                                                  | -                    |                    |                      | -                    |          |                      |              |              |              |
| hi Giáo dục                                               | 162.486              | 20.000             | 142.486              | 1.440.000            |          | 1.440.000            | 0,89         | -            | 1,01         |
| hi CT DQTV, TT ATXH                                       | 402.842              |                    | 402.842,4            | 148.779,300          |          | 148.779,300          | 36,93        |              | 36,93        |
| hi y tế                                                   | 32.000               | 20.000             | 12.000               | -                    |          |                      |              |              |              |
| hi văn hoá, thông tin                                     | 19.500               |                    | 19.500               | -                    |          |                      | -            |              | -            |
| hi phát thanh, truyền hình                                | 43.784               |                    | 43.784               | 11.622,000           |          | 11.622,000           | 26,54        |              | 26,54        |
| hi thể dục thể thao                                       | 19.500               |                    | 19.500               | 19.500,000           |          | 19.500,000           | 100,00       |              | 100,00       |
| hi bảo vệ môi trường                                      | 19.500               |                    | 19.500               | -                    |          |                      | -            |              | -            |
| hi XD đời sống VH thôn, KDC                               | -                    |                    |                      | -                    |          |                      |              |              |              |
| hi các hoạt động kinh tế                                  | 166.200              | 120.000            | 46.200               | -                    |          |                      | -            | -            | -            |
| hi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể | 3.387.738            | 20.000             | 3.367.737,6          | 1.444.578,200        |          | 1.444.578,200        | 42,64        | -            | 42,89        |
| hi công tác xã hội                                        | 446.597              |                    | 446.597              | 166.296,600          |          | 166.296,600          | 37,24        |              | 37,24        |
| hi khác                                                   | -                    |                    |                      | -                    |          |                      |              |              |              |
| ư phòng ngân sách                                         | 462.959              | 20.000             | 442.959              |                      |          |                      | -            | -            | -            |

Nam Chính, ngày tháng 07 năm 2022

**NGƯỜI LẬP**

  
Nguyễn Thị Huệ

**CHỦ TỊCH**

  
Trần Văn Xuyên